

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê VAn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Trường và Ông Vũ Quyết Chiến

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
Đồng Xoài

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Trường Lưu - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 111/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**1. Lưu Hoàng V**, sinh năm 1961 tại Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay ấp Cầu 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ Vhóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lưu Hoàng L, sinh năm 1941 và bà Đồng Thị C (đã chết); bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1969 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993;

Tiền án 01: Ngày 25/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 10.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*” (Tại Bản án số 36/2012/HSST ngày 25/7/2012); tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 cho đến nay “có mặt”.

**2. Nguyễn Thị Thùy T** (tên gọi khác: L), sinh năm 1999 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Thanh L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; bị cáo chưa có chồng, có 01 người con sinh năm 2016 (chưa đăng ký khai sinh); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 cho đến nay “có mặt”.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay ấp Cầu 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

*Người làm chứng:*

Bà Bùi Thị H, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23 tháng 6 năm 2020, Lưu Hoàng V và Nguyễn Thị Thùy T thuê phòng số 01 nhà nghỉ “Phạm G” thuộc ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước do bà Bùi Thị H làm chủ để sinh hoạt. Do V và T có nhu cầu muốn sử dụng ma túy nên V kêu T đi mua ma túy về sử dụng T đồng ý. V đưa 300.000 đồng và xe mô tô biển số 93F8-7254 (xe V mượn của con trai là anh Hoàng Tuấn A) cho T, T điều khiển xe đi đến khu vực thuộc ấp 01, xã T, thành phố Đ mua ma túy của 01 người tên K giá 300.000 đồng và cầm bịch ma túy về nhà nghỉ và đưa cho V, V lấy ra 01 ít cùng với T sử dụng hết số ma túy này, số còn lại T dùng quét ga hàn kín lại và đưa cho V cất giấu để sử dụng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày lực lượng Công an thành phố Đ đến kiểm tra phòng số 01, phát hiện 01 bọc nylon bên trong chứa ma túy mà V cất giấu trên bàn gỗ, nên lập biên bản quả tang và thu giữ tang tài vật.

Tại Bản kết luận giám định số 150/2020/GĐ-MT ngày 30/6/2020 kết luận như sau: Tinh thể màu trắng có trong 01 (một) gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,1925 gam.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ thu giữ 01 bọc nylon bên trong chứa ma túy, 01 bọc nylon, 01 ống hút nhựa, 01 kéo kim loại, 01 quét ga, 01 bộ sử dụng ma túy, 01 điện thoại di động Iphone của V, 01 điện thoại di động Viwa của T và 01 xe mô tô biển số 93F8-7254.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 93F8-7254 đã trả lại cho anh Hoàng Anh T.

Tại Bản cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lưu Hoàng V và Nguyễn Thị Thùy T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Hoàng V mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T mức án tù 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; các vật dụng được bị cáo dùng vào việc cất giấu và sử dụng ma túy. Trả lại cho bị cáo Lưu Hoàng V 01 điện thoại di động Iphone, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 01 điện thoại di động Viwa.

Bị cáo Lưu Hoàng V và Nguyễn Thị Thùy T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến; phù hợp với kết luận điều tra, với kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bản thân là người nghiện ma túy nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23 tháng 6 năm 2020, Lưu Hoàng V đã đưa 300.000 đồng cho Nguyễn Thị Thùy T mua ma túy của một người thanh niên tên K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực ấp 01, xã T, thành phố Đ mua ma túy về phòng số 01 nhà nghỉ “Phạm G” thuộc ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước cùng nhau sử dụng, số còn lại T dùng quẹt ga hàn kín lại và đưa cho V cất giấu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày lực lượng Công an thành phố Đ đến kiểm tra phòng số 01 phát hiện 01 bọc nylon bên trong chứa ma túy mà V cất giấu trên bàn gỗ, nên lập biên bản quả tang và thu giữ tang tài vật.

Tại Bản kết luận giám định số 150/2020/GĐ-MT ngày 30/6/2020 kết luận như sau: Tinh thể màu trắng có trong 01(một) gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,1925 gam.

[3] Hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào khối lượng 0,1925 gam ma túy các bị cáo cất giấu để sử dụng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc cất giấu ma túy để sử dụng là hành vi vi phạm pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[5] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người.

Mặc dù đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vị trí vai trò của các bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt.

Đối với bị cáo V bị cáo là người khởi xướng việc mua ma túy về sử dụng, ngoài việc đưa tiền cho bị cáo T bị cáo còn cùng T sử dụng. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 25/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 10.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T là người thực hành liên hệ mua ma túy và cùng bị cáo V sử dụng vì vậy cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình kiểm tra hành chính bắt quả tang bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy cất giữ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với người đàn ông tên K là người bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Hoàng Tuấn A khi cho bị cáo V mượn xe mô tô nhưng không biết V mua và cất giấu ma túy nên không đặt ra xử lý.

Đối với bà Bùi Thị H không biết V và T thuê nhà nghỉ để sử dụng và cất giấu ma túy nên không đặt ra xử lý.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu tiêu hủy số vật chứng hiện không còn giá trị sử dụng gồm: 01 bì thư có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, 01 bọc nilon, 01 ống hút nhựa, 01 kéo kim loại, 01 quẹt ga, 01 bộ sử dụng ma túy.

Trả lại cho bị cáo Lưu Hoàng V 01 điện thoại di động Iphone, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 01 điện thoại di động hiệu Viwa.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố các bị cáo Lưu Hoàng V, Nguyễn Thị Thùy T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

### **2. Về hình phạt:**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Hoàng V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2020.

### **3. Về vật chứng vụ án:**

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp; 01 bọc nilon; 01 ống hút nhựa; 01 kéo kim loại; 01 quẹt ga và 01 bộ sử dụng ma túy.

Trả lại cho bị cáo Lưu Hoàng V 01 điện thoại di động Iphone, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 01 điện thoại di động Viwa (đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001832, quyền số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

#### **4. Về án phí sơ thẩm:**

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo V và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

#### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*đã ký*

**Lê Văn An**